

**CÔNG TY MẸ -
TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM**

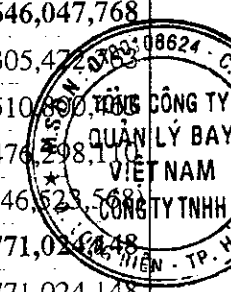
Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - CÔNG TY ME

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	31/12/2016
1	2	3	4	5
A - Tài sản ngắn hạn	100		2,114,008,325,711	1,942,939,301,703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	723,812,012,994	662,924,001,519
1. Tiền	111		704,237,931,753	662,621,216,936
2. Các khoản tương đương tiền	112		19,574,081,241	302,784,583
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		710,000,000,000	631,770,000,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		710,000,000,000	631,770,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		667,370,519,240	625,646,047,768
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	577,731,932,175	542,305,472,382
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		72,156,205,268	28,510,890,110
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	21,128,799,430	58,476,298,110
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3,646,417,633)	(3,646,523,568)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	8,347,536,323	7,771,024,148
1. Hàng tồn kho	141		8,347,536,323	7,771,024,148
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,478,257,154	14,828,228,268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	2,048,454,233	7,175,371,724
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,196,856,740	3,474,311,073
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1,232,946,181	4,178,545,471
B - Tài sản dài hạn	200		1,726,579,430,981	1,827,803,477,798
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7,070,902	7,070,902
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	7,070,902	7,070,902
II. Tài sản cố định	220		1,366,167,385,869	1,477,996,985,375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1,276,687,572,626	1,385,338,522,017
- Nguyên giá	222		3,671,502,342,244	3,353,052,345,796
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2,394,814,769,618)	(1,967,713,823,779)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	89,479,813,243	92,658,463,358
- Nguyên giá	228		146,803,649,726	137,925,489,625
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(57,323,836,483)	(45,267,026,267)
IV. Tài sản dài hạn khác	240		59,904,788,605	53,701,488,177
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	59,904,788,605	53,701,488,177
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		279,084,000,000	276,488,165,045
1. Đầu tư vào công ty con	251		279,084,000,000	276,488,165,045
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21,416,185,605	19,609,768,299
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	989,438,017	1,194,804,920
3. Thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn	263		20,426,747,588	18,414,963,379
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		3,840,587,756,692	3,770,742,779,501



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - CÔNG TY MẸ (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	31/12/2016
1	2	3	4	5
C- Nợ phải trả	300		945,976,310,995	990,323,229,492
I. Nợ ngắn hạn	310		872,332,541,781	926,339,026,472
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	54,014,729,523	126,525,066,438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32,002,980	252,647,665
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	337,895,347,023	437,614,764,370
4. Phải trả người lao động	314		164,496,651,337	209,334,872,232
5. Chi phí phải trả ngắn hạn khác	315	5.11	139,052,995,248	77,398,411,040
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	532,593,650
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	110,492,975,879	13,994,887,958
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66,347,839,791	60,685,783,119
II. Nợ dài hạn	330		73,643,769,214	63,984,203,020
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	14,124,000	91,903,921
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	35,270,347,790	33,996,070,267
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	26,345,242,424	29,896,228,832
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		12,014,055,000	-
D - Vốn chủ sở hữu	400		2,894,611,445,697	2,780,419,550,009
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	2,894,611,445,697	2,780,419,550,009
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,006,090,104,063	2,006,090,104,063
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		888,106,220,799	773,914,325,111
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		415,120,835	415,120,835
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421A		415,120,835	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		-	415,120,835
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		3,840,587,756,692	3,770,742,779,501

Lập, ngày 18 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

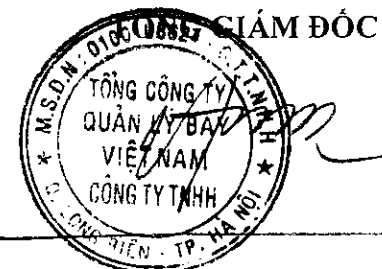


Trương Thị Kim Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Quỳnh Hà



Phạm Việt Dũng

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Đc: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH- CÔNG TY MẸ

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	1,604,800,040,614	1,415,027,286,449
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	14,873,963,793	13,772,743,895
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	6.3	1,589,926,076,821	1,401,254,542,554
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	1,143,525,741,967	1,010,752,320,744
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC DV	20		446,400,334,854	390,502,221,810
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	23,301,324,690	11,341,317,452
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.6	5,992,985,921	4,918,598,650
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1,285,042,812</i>	-
Chi phí bán hàng	24			-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		463,708,673,623	396,924,940,612
Thu nhập khác	31		688,097,972	4,329,178,008
Chi phí khác	32		139,633,793	4,890,716,491
Lợi nhuận khác	40		548,464,179	(561,538,483)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		464,257,137,802	396,363,402,129
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	92,460,620,434	79,682,177,862
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		371,796,517,368	316,681,224,267

Hà nội, ngày 18 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

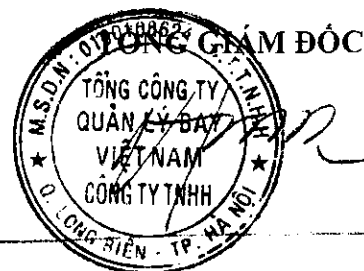


Trương Thị Kim Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Quỳnh Hà



Phạm Việt Dũng

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Số 6 ngõ 200 đường Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q.
Long Biên, TP Hà Nội

Mẫu số B03a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - CÔNG TY ME

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết t minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,628,744,247,250	1,345,958,610,871
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(337,241,910,582)	(300,638,023,985)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(608,100,718,040)	(490,519,970,273)
Tiền chi trả lãi vay	04		(1,499,474,492)	
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(83,810,584,157)	(71,420,018,593)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,220,038,778,057	852,788,285,156
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,591,852,537,410)	(1,334,720,592,241)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		226,277,800,626	1,448,290,935
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(102,808,289,169)	(57,711,165,577)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(78,230,000,000)	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,634,214,089	4,346,550,993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(161,404,075,080)	(53,364,614,584)
Tiền thu từ đi vay	33		242,941,800	4,588,697,311
Tiền chi trả gốc vay	34		(3,793,928,208)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		(3,550,986,408)	4,588,697,311
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		61,322,739,138	(47,327,626,338)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		662,924,001,519	756,964,108,505
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(434,727,663)	983,320,667
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		723,812,012,994	710,619,802,834

Ngày 18 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

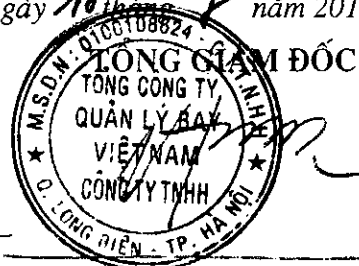


Trương Thị Kim Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Quỳnh Hà



Phạm Việt Dũng

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty mẹ - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam (sau đây gọi tắt là “ Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Bảo đảm hoạt động bay Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108624 ngày 30/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 03 ngày 11/02/2015.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là: 2.552.746.000.000 đồng (Hai nghìn năm trăm năm mươi hai tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Theo Quyết định số 1237/QĐ-BGTVT ngày 22/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải, vốn điều lệ của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam là 3.138.401.000.000 đồng (Ba nghìn một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm linh một triệu đồng).

Bộ Giao thông Vận tải được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ đảm bảo hoạt động bay;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (trừ câu lạc bộ bắn súng);
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu (trừ các hoạt động Nhà nước cấm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
 - + Thiết kế kiến trúc công trình;
 - + Thiết kế nội, ngoại thất công trình;
 - + Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
 - + Thiết kế hệ thống điện công trình sân bay;
 - + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
 - + Thiết kế hệ thống điện điều khiển, mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng sân bay.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu dựa trên các Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

STT Đơn vị

- 1 Văn phòng Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam
- 2 Công ty Quản lý bay miền Bắc
- 3 Công ty Quản lý bay miền Trung
- 4 Công ty Quản lý bay miền Nam
- 5 Trung tâm Quản lý luồng Không lưu
- 6 Trung tâm Thông báo Tin tức Hàng không

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Từ ngày 01/01/2015, Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp đích danh.

Đối với các vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay, căn cứ văn bản số 6951/BTC-TCĐN ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính và văn bản số 7512/BGTVT-TC ngày 12/6/2015 của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty xây dựng cơ chế quản lý vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay và áp dụng, cụ thể như sau:

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại trên 01 năm và các vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) mua sắm theo dự án đầu tư sẽ ghi tăng vào nguyên giá của hệ thống tài sản và được quản lý, theo dõi, sử dụng và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm sẽ quản lý là công cụ, dụng cụ điều hành bay phân bổ vào chi phí tối đa 03 năm. Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị dưới 30 triệu đồng) sẽ quản lý theo dõi trong kho, khi xuất dùng ghi tăng chi phí thường xuyên của Tổng Công ty.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và theo cơ chế khấu hao nhanh theo Công văn số 9821/BTC-TCĐN ngày 15/07/2016 của Bộ Tài chính, Công văn số 10129/BGTVT-QLDN ngày 30/08/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc trích khấu hao nhanh tài sản cố định của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và Quyết định số 386/QĐ-HĐTV ngày 13/09/2016 về việc Ban hành Quy định về thời gian trích khấu hao tài sản cố định áp dụng trong Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2020. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
TSCĐ khác	10
Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn	
vay thương mại	
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 04
Máy móc, thiết bị	05 - 12,5

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Phần mềm máy vi tính. Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty con được ghi nhận và phản ánh trong báo cáo tài chính của Công ty mẹ theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm từ công ty con mà Tổng Công ty có tham gia góp vốn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 02 năm.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu dịch vụ điều hành bay qua phát sinh trong năm được ghi nhận bằng giá bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý thực hiện theo Quyết định số 4405/QĐ-BGTVT ngày 15/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Doanh thu cung cấp dịch vụ điều hành bay đi, đến; điều hành bay nội địa và dịch vụ khác được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ các khoản lợi nhuận được chia từ công ty con, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán ngoại tệ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

- Giá dịch vụ điều hành bay qua chịu thuế suất là 0%; Phí bay qua vùng trời Việt Nam được nộp 100% vào ngân sách nhà nước theo Thông tư số 196/2015/TT-BTC ngày 01/12/2015 của Bộ Bộ Tài chính.
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc tế đi, đến chịu thuế suất là 0%;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc nội bay quốc tế chịu thuế suất 10%;
- Dịch vụ điều hành bay nội địa chịu thuế suất 10%.

Thuế GTGT đầu ra phải nộp của hoạt động điều hành bay được kê khai, nộp thuế và khấu trừ tập trung tại Công ty mẹ theo tỷ lệ tổng số phải thu chịu thuế GTGT và số phải thu không chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT đầu vào và đầu ra phải nộp đối với hoạt động kinh doanh và hoạt động khác được kê khai, khấu trừ và nộp tại nơi phát sinh.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 của Quốc hội về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp” và Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được Tổng Công ty áp dụng trong năm 2017 là 20%.

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Tổng Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tiền thuê đất được hạch toán và thực hiện nộp theo thông báo của cơ quan chức năng.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty mẹ - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam là Công ty TNHH Kỹ thuật quản lý bay.

5 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

5.1 Tiền

	30/06/2017	31/12/2016
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	1,897,537,001	1,050,113,513
Tiền gửi ngân hàng	702,340,394,752	661,571,103,423
Tiền đang chuyển		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19,574,081,241	302,784,583
Cộng	723,812,012,994	662,924,001,519

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2017	31/12/2016
	(VND)	(VND)
Phải thu của khác hàng ngắn hạn	577,731,932,175	542,305,472,763
TCT Hàng không Việt Nam - Công ty CP	50,162,252,856	47,608,654,727
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airline	8,673,589,073	9,379,546,825
Công ty CP Hàng không Vietjet	33,532,429,015	25,752,195,149
Các hãng hàng không quốc nội khác	5,386,134,423	4,491,449,040
Các hãng hàng không quốc tế	70,775,243,797	71,073,559,692
Các hãng hàng không bay qua	407,694,461,757	381,305,987,040
Khách hàng khác	1,507,821,254	2,694,080,290

5.3 Phải thu khác

	30/06/2017	31/12/2016
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn	21,128,799,430	58,476,298,110
Tạm ứng	3,991,096,392	397,061,736
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2,175,315,750	23,274,850,903
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn		8,637,772,295
Phải thu từ Công ty TNHH Kỹ thuật QLB	3,297,013,293	13,277,840,623
Phải thu từ công ty Bảo hiểm Đông Đô, Hùng Vương	900,063,513	1,168,256,513
Phải thu khác	10,765,310,482	11,720,516,040
Dài hạn	7,070,902	7,070,902
Ký cược, Ký quỹ	7,070,902	7,070,902
Cộng	21,135,870,332	58,483,369,012

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

5.4 Hàng tồn kho

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>31/12/2016</u> (VND)
Hàng đang đi trên đường		
Nguyên liệu, vật liệu	8,059,622,571	7,690,432,846
Công cụ, dụng cụ	287,913,752	80,591,302
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Thành phẩm		
Hàng hoá		
Cộng	<u>8,347,536,323</u>	<u>7,771,024,148</u>

5.5 Chi phí trả trước

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>31/12/2016</u> (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	2,048,454,233	7,175,371,724
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,480,903,084	6,179,730,350
Các khoản khác	567,551,149	995,641,374
Chi phí trả trước dài hạn	989,438,017	1,194,804,920
Phí tần số vô tuyến điện	429,576,274	791,781,877
Các khoản khác	559,861,743	403,023,043
Cộng	<u>3,037,892,250</u>	<u>8,370,176,644</u>

CÔNG TY MỀ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

5.6 Tang giảm tài sản cố định hữu hình

MAY MOC THIẾT BỊ CÔNG TÁC	MAY MOC TBI ĐỘNG LỰC	MAY MOC TBI THIẾT BỊ CÔNG TÁC	DC DO LƯỜNG TBI ĐỘNG CỤ PHƯƠNG TIỆN QUẢN LÝ	VĂN TẠI NHÀ CỦA VẬT KIẾN TRÚC	TÀI SẢN KHÁC	TỔNG CỘNG
209,051,553,137	1,751,102,230,281	215,549,621,359	59,409,745,318	42,645,332,627	1,074,447,266,137	846,596,936
Tăng trong kỳ	10,291,023,646	248,032,830,207	354,694,609,144	3,419,449,557	663,468,182	34,795,428,530
- Tang do mua sắm	107,200,000	2,899,348,000	240,449,736,155	1,305,864,898	-	34,795,428,530
- Tang do EITXDCBHT	5,844,094,858	43,111,771,814	2,716,363,636	807,212,211	663,468,182	16,955,551,127
- Tang do điều chuyển	3,282,335,000	185,773,232,686	111,528,509,353	1,006,318,295	-	16,413,401,127
- Tang do điều chỉnh	1,057,393,788	16,248,477,707	-	300,054,153	-	1,426,476,276
- Khác	-	-	-	-	-	-
Giam trong kỳ	(2,708,229,242)	(70,238,669,003)	(240,433,639,805)	(831,483,753)	(18,766,710,417)	(468,080,597)
- Giam do điều chỉnh	-	(12,941,509,044)	-	(73,012,946)	(2,353,309,290)	(15,367,831,280)
- Giam do thanh lý	(2,708,229,242)	(57,297,159,959)	(240,400,026,155)	(758,470,807)	(16,413,401,127)	(468,080,597)
- Khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	216,634,347,541	1,928,896,391,485	329,810,590,698	61,997,711,122	43,308,800,809	1,090,475,984,250
Số cuối kỳ	3,671,502,342,244	3,671,502,342,244	3,671,502,342,244	3,671,502,342,244	3,671,502,342,244	3,671,502,342,244
GIA TRỊ ĐA HẠO MÓN	140,810,550,409	1,408,407,996,806	103,825,135,628	47,467,287,018	33,581,974,748	233,480,185,267
Số đầu kỳ	140,810,550,409	1,408,407,996,806	103,825,135,628	47,467,287,018	33,581,974,748	233,480,185,267
Tang trong kỳ	270,085,522	112,305,835,022	236,366,226,287	1,416,876,616	7,926,785,884	358,285,809,331
- Khác	-	-	-	-	-	-
- Tang do điều chỉnh	(20,735,588)	3,068,843,997	-	-	3,218,068	3,051,326,477
- Do điều chuyển	290,821,110	109,236,991,025	79,205,542,926	832,362,052	3,961,783,908	193,527,501,021
Giam trong kỳ	-	(31,758,361,736)	(157,194,297,011)	(584,514,564)	(3,961,783,908)	(193,604,447,426)
- Do giam nguyên giá	-	-	(33,613,650)	-	-	(33,613,650)
- Do điều chuyển	-	(31,758,361,736)	(157,160,683,361)	(584,514,564)	(3,961,783,908)	(193,570,833,776)
Khấu hao cơ bản	21,113,428,396	158,288,471,560	45,109,532,201	6,122,041,386	2,363,935,485	29,403,249,087
Số cuối kỳ	162,194,064,327	1,647,243,941,652	228,106,597,105	54,421,690,456	35,945,910,233	266,848,436,330
Số đầu kỳ	68,241,002,728	342,694,233,475	111,724,485,731	11,942,458,300	9,063,357,879	840,967,080,870
GIA TRỊ CÒN LẠI	54,440,283,214	281,652,449,833	101,703,993,593	7,576,020,666	7,362,890,576	823,627,547,920
Số cuối kỳ	1,276,687,572,626	1,385,338,522,017	1,385,338,522,017	1,385,338,522,017	1,385,338,522,017	1,385,338,522,017
Số đầu kỳ	54,440,283,214	281,652,449,833	101,703,993,593	7,576,020,666	7,362,890,576	823,627,547,920

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Tài sản VH VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại đầu kỳ	137,925,489,625	137,925,489,625
- Mua trong năm	3,979,012,460	3,979,012,460
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4,431,067,044	4,431,067,044
- Tăng khác	4,810,229,269	4,810,229,269
- Giảm khác	(4,342,148,672)	(4,342,148,672)
Số dư cuối kỳ	146,803,649,726	146,803,649,726
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	45,267,026,267	45,267,026,267
- Khấu hao trong năm	8,634,493,831	8,634,493,831
- Tăng khác	6,849,594,275	6,849,594,275
- Giảm khác	(3,427,277,890)	(3,427,277,890)
Số dư cuối năm	57,323,836,483	57,323,836,483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại đầu kỳ	92,658,463,358	92,658,463,358
Số dư tại cuối kỳ	89,479,813,243	89,479,813,243

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017 (VND)	31/12/2016 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang:	59,904,788,605	53,701,488,177
Trong đó:		
Dự án Đài kiểm soát không lưu TSN	1,284,099,743	840,404,288
Trung tâm KSKL ATCC/HN	1,120,585,248	1,112,386,357
Đầu tư cơ sở kinh doanh dịch vụ tại Trung tâm Văn hóa Hàng không	11,815,272,206	11,815,272,206
Đài KSKL Cảng HKQT Cát Bi	9,322,928,945	11,190,308,400
Cơ sở kiểm soát tiếp cận APP Đà Nẵng	1,185,970,929	378,310,361
Đài kiểm soát không lưu Tuy Hòa	3,579,598,739	648,606,439
Trạm Radar Quy Nhơn	549,920,977	112,174,772
Trạm Radar sơ cấp, thứ cấp Cam Ranh	776,938,995	352,333,744
Trạm Radar thứ cấp Ca Mau	993,844,547	814,327,679
Trạm Radar sơ cấp, thứ cấp Vinh	904,744,784	577,170,615
Nhập khẩu thiết bị MUX 2200E và HT QL VSAT T	-	5,454,891,285
Cải tạo nâng cấp hệ thống lạnh AACC/HCM	6,161,659,616	8,164,936
Thi công XL tuyến cáp quang AACC/TWR TSN-BC	1,190,823,099	1,190,823,099
Trạm Radar Sơn trà	2,756,824,575	6,678,040,130
Đài KSKL Thọ Xuân	10,791,708,575	2,899,604,206

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)	31/12/2016 (VND)
Phải trả người bán ngắn hạn	54,014,729,523	126,525,066,438
Trong đó		
Công ty cổ phần công nghệ thông tin GENPACIFIC	1,416,502,587	1,416,502,587
Tổng công ty xây dựng Hà nội - CTCP	-	1,875,064,346
Tổng công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Việt Nam	6,372,890,497	21,872,890,497
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu kỹ thuật (TECHNIMEX)	-	1,360,904,769
Tổng công ty 36	10,742,671,680	10,742,671,680
Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC-Công ty TNHH một thành viên	-	3,201,503,452
Cty TNHH một thành viên Duyên Hải	2,176,413,250	9,066,696,176
Công ty CP xây lắp thành an 96	4,513,820,731	4,513,820,731
CTy CP tập đoàn điện tử công nghiệp Việt Nam	1,299,162,283	2,286,950,850
Công ty CP XNK kỹ thuật - Technimex	1,374,000,000	1,374,000,000
Tổng công ty cảng Hàng không Việt Nam	2,847,609,687	19,845,540,000
Công ty cổ phần điện tử tin học hóa chất	3,860,329,493	
Công ty TNHH MTV ứng dụng kỹ thuật và sản xuất	1,570,634,714	1,570,634,714

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2017 (VND)	31/12/2016 (VND)
Phải nộp		
Thuế giá trị gia tăng	622,697,790	172,012,035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45,309,195,998	36,611,571,786
Thuế thu nhập cá nhân	1,541,611,181	30,857,847,714
Thuế khác	74,006,197,763	64,236,010,920
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	216,415,644,291	305,737,321,915
Cộng	337,895,347,023	437,614,764,370
	30/06/2017 (VND)	31/12/2016 (VND)
Phải thu		
Thuế giá trị gia tăng	308,973,396	3,824,599,565
Thuế thu nhập cá nhân	570,026,879	
Thuế khác	353,945,906	353,945,906
Cộng	1,232,946,181	4,178,545,471

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

5.11 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>31/12/2016</u> (VND)
Thuê kênh vệ tinh	5,262,946,655	1,500,814,740
Phí nhượng quyền khai thác Cảng hàng không	9,147,435,000	9,402,525,000
Dịch vụ bổ sung điều hành bay	4,795,750,000	
Dịch vụ dẫn đường hàng không, dịch vụ ADSB, dịch vụ AMHS dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ VHF	44,045,631,704	60,569,431,973
Trích trước các chi phí đảm bảo hoạt động khác	75,801,231,889	5,925,639,327
Cộng	<u>139,052,995,248</u>	<u>77,398,411,040</u>

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>31/12/2016</u> (VND)
A. Phải nộp, phải trả ngắn hạn	110,492,975,879	13,994,887,958
Nhận tiền điều hành bay không xác định rõ số hóa đơn, trả trùng, trả thừa	7,947,619,719	9,104,557,610
Ký cược kỹ quỹ ngắn hạn	1,684,406,834	1,193,178,363
Giá trị TSCĐ, VTDP thuộc hệ thống cung cấp dịch vụ khí tượng nhận bàn giao từ ACV	96,435,602,538	
Phải trả khác	4,425,346,788	3,697,151,985
B. Phải nộp phải trả dài hạn	35,270,347,790	33,996,070,267
Ký cược, kỹ quỹ điều hành bay	35,270,347,790	33,985,070,267
Ký cược, kỹ quỹ khác	-	11,000,000
	<u>145,763,323,669</u>	<u>47,990,958,225</u>

5.13 Vay và nợ dài hạn

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>31/12/2016</u> (VND)
Vay dài hạn	26,345,242,424	29,896,228,832
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở chính (Dự án Đài KSKL Tuy Hòa)	26,345,242,424	29,739,918,932
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (Trạm Radar thứ cấp Quy Nhơn)		156,309,900
Cộng	<u>26,345,242,424</u>	<u>29,896,228,832</u>

CÔNG TY MÈ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

S.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Tổng cộng	

2,006,090,104,063	576,590,098,701	821,019,228	2,583,501,221,992	-	652,969,270,572	Số dư đầu năm trước
-------------------	-----------------	-------------	-------------------	---	-----------------	---------------------

						Tăng vốn trong năm trước
--	--	--	--	--	--	--------------------------

						Lãi trong năm trước
--	--	--	--	--	--	---------------------

						Phân phối lợi nhuận năm trước
--	--	--	--	--	--	-------------------------------

1,698,808,346	1,557,981,489	(652,554,149,737)	262,281,554,023	(194,506,350,793)	6,892,079,976	Tăng khác
---------------	---------------	-------------------	-----------------	-------------------	---------------	-----------

(1,698,808,346)		(821,019,228)	(265,916,844,164)	(268,436,671,738)		Giảm khác
-----------------	--	---------------	-------------------	-------------------	--	-----------

2,006,090,104,063	773,914,325,111	415,120,835	2,780,419,550,009	-	2,780,419,550,009	31/12/2016
-------------------	-----------------	-------------	-------------------	---	-------------------	------------

2,006,090,104,063	773,914,325,111	415,120,835	2,780,419,550,009	-	2,780,419,550,009	Số dư cuối đầu năm nay
-------------------	-----------------	-------------	-------------------	---	-------------------	------------------------

						Tăng vốn trong năm nay
--	--	--	--	--	--	------------------------

						Lãi trong kỳ này
--	--	--	--	--	--	------------------

						Phân phối lợi nhuận trong kỳ
--	--	--	--	--	--	------------------------------

819,724,253	2,652,940,477	133,246,217	3,605,910,947			Tăng khác
-------------	---------------	-------------	---------------	--	--	-----------

(819,724,253)		(149,385,963,624)	(150,205,687,877)			Giảm khác
---------------	--	-------------------	-------------------	--	--	-----------

2,006,090,104,063	888,106,220,799	415,120,835	2,894,611,445,697	-	2,894,611,445,697	Số cuối kỳ
-------------------	-----------------	-------------	-------------------	---	-------------------	------------

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	30/06/2017 (VND)	30/06/2016 (VND)
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	1,604,800,040,614	1,415,027,286,449
Doanh thu điều hành bay qua	710,801,307,639	663,364,302,066
Doanh thu điều hành bay đi đến	595,415,017,962	479,776,325,868
Doanh thu điều hành bay quốc nội	290,118,989,878	264,632,726,727
Doanh thu AIP, khác trong công ích	1,786,927,094	843,215,046
Doanh thu cung cấp DV ngoài công ích	6,677,798,041	6,410,716,742

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	30/06/2017 (VND)	30/06/2016 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	14,873,963,793	13,772,743,895
Giảm giá thu điều hành bay qua		
Giảm giá thu điều hành bay đi đến	5,915,442,188	5,616,080,973
Giảm giá thu điều hành bay quốc nội	8,958,521,605	8,156,662,922

6.3 Doanh thu thuần

	30/06/2017 (VND)	30/06/2016 (VND)
D. thu thuần cung cấp dịch vụ	1,589,926,076,821	1,401,254,542,554
Doanh thu thuần hoạt động hàng không	1,583,248,278,780	1,394,843,825,812
Doanh thu thuần hoạt động khác	6,677,798,041	6,410,716,742
Doanh thu bán hàng hóa		

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	30/06/2017 (VND)	30/06/2016 (VND)
Giá vốn hoạt động hàng không	1,142,542,020,575	1,009,530,121,039
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	983,721,392	1,222,199,705
Giá vốn bán hàng hóa		
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
Cộng	1,143,525,741,967	1,010,752,320,744

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	30/06/2017 (VND)	30/06/2016 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12,279,973,216	5,338,153,315
Cổ tức lợi nhuận được chia	3,297,013,293	
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,668,567,126	3,520,182,632
Lãi từ hoạt động bán ngoại tệ	4,055,771,055	2,482,981,505
Cộng	23,301,324,690	11,341,317,452

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	30/06/2017 (VND)	30/06/2016 (VND)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,236,845,604	4,031,760,077
Lỗ bán ngoại tệ	1,471,097,505	886,838,573
Trả lãi tiền vay	1,285,042,812	
Cộng	5,992,985,921	4,918,598,650

6.7 Thu nhập khác

	30/06/2017 (VND)	30/06/2016 (VND)
Thu từ cho thuê mặt bằng, điện nước	299,306,472	251,274,509
Phạt vi phạm hợp đồng	111,353,289	24,345,430
Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng	129,295,000	3,545,000,000
Thu nhập khác	148,143,211	508,558,069
Cộng	688,097,972	4,329,178,008

6.8 Chi phí khác khác

	30/06/2017 (VND)	30/06/2016 (VND)
Giá trị CCDC không sử dụng thanh lý		3,968,290,349
Lãi chậm nộp	3,815,335	657,679,525
Chi phí khác	135,818,458	264,746,617
Cộng	139,633,793	4,890,716,491

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	30/06/2017	30/06/2016
	(VND)	(VND)
Tổng quỹ lương	467,494,179,000	393,615,110,484
Chi ăn ca, ăn định lượng	18,460,761,364	16,281,592,599
BHXH, BHYT, KPCD, TCTN	42,477,660,786	27,144,809,684
Bảo quản sửa chữa thường xuyên	22,297,911,608	21,424,506,443
Sửa chữa lớn tài sản cố định	18,217,399,091	17,471,277,197
Nhiên liệu, điện, nước	18,992,077,727	13,909,898,653
Chi quản lý đảm bảo hoạt động	72,738,340,957	61,282,978,718
Chi khấu hao TSCĐ	273,688,504,182	225,900,248,414
Công cụ, dụng cụ lao động - văn phòng	9,831,671,604	27,340,186,374
Chi đào tạo, ứng dụng KHCN	14,251,908,108	14,807,316,111
Chi bảo hiểm TS, trách nhiệm người ĐHB	7,028,728,843	9,591,946,240
Chi trả dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay	9,629,300,000	36,842,800,000
Chi bay hiệu chuẩn	-	2,046,562,560
Chi phí cước điện thoại, thuê kênh vệ tinh	15,932,918,501	11,181,269,935
Chi diễn tập	1,598,445,004	15,773,635
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	226,213,540	3,685,749,781
Phí nhượng quyền khai thác cảng HK	50,377,800,000	45,153,075,000
Chi phí dịch vụ dẫn đường HK	64,550,702,603	60,824,000,000
Dịch vụ giám sát tự động phụ thuộc ADS-B	12,724,981,989	12,713,000,000
Dịch vụ AMHS	2,169,500,000	2,169,500,000
Dịch vụ Raim	107,583,158	953,519,211
Dịch vụ VHF	7,731,377,510	5,175,000,000
TRích quỹ Khoa học công nghệ	12,014,055,000	
Cộng	<u>1,142,542,020,575</u>	<u>1,009,530,121,039</u>

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2017 và đến ngày 30/06/2017

.6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>30/06/2017</u>	<u>30/06/2016</u>
	(VND)	(VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	92,460,620,434	79,682,177,862
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay		
Cộng	<u>92,460,620,434</u>	<u>79,682,177,862</u>
(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế đến ngày 30/06/2017		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	464,257,137,802	
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
<i>Lợi nhuận từ công ty con</i>	<i>(3,297,013,293)</i>	
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	<i>1,342,977,667</i>	
Tổng thu nhập chịu thuế:	462,303,102,176	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	92,460,620,434	

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

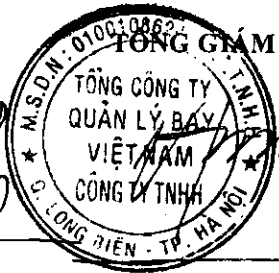
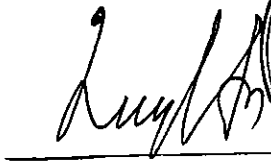
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016, Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Thị Kim Hoa

Ngô Thị Quỳnh Hà

Phạm Việt Dũng